

TÒA ÁN NHÂN DÂN
H3ỆN H
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2025
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN H3ỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông H4 Ngọc Hải
Bà H4 Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân H3ện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H3ện H tham gia phiên tòa:

Ông Dương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân H3ện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-HDGD ngày 06 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1988. Xin vắng mặt

Địa chỉ: Phố Tr, thị trấn B, H3ện H, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Lê Đình B2, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Th, xã Đ, H3ện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Lê Thị Th thể hiện như sau:

Chị Lê Thị Th và anh Lê Đình B2 tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã Đ, H3ện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/5/2014. Sau khi cưới anh chị sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không hợp nhau nên đã sống ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay. Nay chị Th nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không thể kéo dài cuộc sống vợ chồng

thêm được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B2.

Về con: Anh Lê Đình B2 và chị Lê Thị Th có 02 con chung là cháu Lê Đình H3, sinh ngày 15/5/2015 và cháu Lê Đình H4, sinh ngày 09/01/2018. Hiện cháu H4 đang ở cùng chị Th, còn cháu H3 đang ở cùng anh B2.

Chị Th đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Lê Đình H4, còn giao cháu Lê Đình H3 cho anh B2 trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị Th không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Lê Đình B2 không đến Tòa án trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th.

Tại bản tự khai của cháu Lê Đình H4 thể hiện: Bố mẹ cháu không ở với nhau, cháu xin được ở với mẹ Th.

Tại bản tự khai của cháu Lê Đình H3 thể hiện: Bố mẹ cháu không ở với nhau, cháu xin được ở với bố B2.

Tại biên bản xác minh ngày 01/4/2025 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, H3ện H, tỉnh Thanh Hóa thể hiện:

Anh Lê Đình B2 và chị Lê Thị Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, H3ện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/5/2024. Sau khi kết hôn, anh B2 và chị Th sinh sống tại thôn Th, xã Đ, H3ện H và có 02 con chung là Lê Đình H3, sinh ngày 15/5/2015 và cháu Lê Đình H4, sinh ngày 09/01/2018. Tại địa phương, sau khi cưới, anh B2 và chị Th chung sống B2 thường, không có mâu thuẫn gì. Đến khoảng tháng 6/2023 thì anh chị có xảy ra mâu thuẫn, sau đó chị Th bỏ về nhà mẹ đẻ ở thị trấn B ở, còn cụ thể mâu thuẫn như thế nào và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh chị địa phương không nắm được. Nay chị Th làm đơn xin ly hôn anh B2 và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H3ện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Th, xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Lê Đình B2. Về con: đề nghị công nhận anh

Lê Đình B2 và chị Lê Thị Th có 02 con chung là cháu Lê Đình H3, sinh ngày 15/5/2015 và cháu Lê Đình H4, sinh ngày 09/01/2018. Đề nghị giao cháu Lê Đình H3 cho anh B2 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Đình H4 cho chị Lê Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc chị Lê Thị Th chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chị Lê Thị Th không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự **không** thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa anh Lê Đình B2 và chị Lê Thị Th theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 06/5/2025, bị đơn là anh Lê Đình B2 vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Đình B2 và chị Lê Thị Th tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Đ, H3ện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/5/2014 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nổi và đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B2. Quá trình giải quyết vụ án, anh B2 luôn vắng mặt dù được triệu tập hợp lệ thể hiện anh có thái độ bỏ mặc, không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Như vậy tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Th là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con: Chị Lê Thị Th trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Đình H3 và cháu Lê Đình H4, tại các giấy khai sinh của các cháu đều thể hiện họ tên cha là anh

Lê Đình B2. Vì vậy công nhận anh Lê Đình B2 và chị Lê Thị Th có 02 con chung là cháu Lê Đình H3, sinh ngày 15/5/2015 và cháu Lê Đình H4, sinh ngày 09/01/2018. Do cháu H3 đang ở cùng anh B2, có nguyện vọng được ở cùng bố và cháu H4 đang ở cùng chị Th, có nguyện vọng được ở cùng mẹ, chị Th mong muốn được trực tiếp nuôi cháu H4. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Th, giao cháu Lê Đình H4 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Đình H3 cho anh B2 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị Lê Thị Th không yêu cầu, anh B2 không có ý kiến gì về cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản và công nợ: Anh Lê Đình B2 và chị Lê Thị Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là chị Lê Thị Th phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Th được ly hôn với anh Lê Đình B2.

Về con: **Công nhận anh Lê Đình B2 và chị Lê Thị Th** có 02 con chung là cháu Lê Đình H3, sinh ngày 15/5/2015 và cháu Lê Đình H4, sinh ngày 09/01/2018. Giao cháu Lê Đình H3 cho anh Lê Đình B2 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Đình H4 cho chị Lê Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Đình B2 và chị Lê Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên còn lại.

Về án phí: Buộc chị Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp **là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự H3ện H theo biên lai thu số 0000333 ngày 07/3/2025 (Chị Lê Thị Th đã nộp đủ).**

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Th và anh Lê Đình B2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H3ện H;
- Chi cục THADS H3ện H;
- UBND xã Đ, h. H;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H4 Ngọc Hải H4 Thị Hòa

Lê Thị Ngọc Tú

